

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

Bản án số: 108/2023/HS-PT
Ngày: 04/8/2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn

Ông Hồ Ngọc Tiếp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Quyên - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 65/2023/TLPT-HS ngày 26 tháng 4 năm 2023 đối với bị cáo Lê Xuân T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 16 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh NA.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Xuân T; Sinh ngày: 28 tháng 9 năm 1990 tại huyện Đ, tỉnh NA; Nơi cư trú: xóm 5, xã Q, huyện Đ, tỉnh NA; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Xuân T, Sinh năm: 1964 và bà Lê Thị H; sinh năm: 1968; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2022 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 4 bị cáo Nguyễn Đình H, Hoàng Trung H1, Lê Văn H2, Nguyễn Thị L và 02 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N, Trần Thị H3 không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị. Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 11/5/2022, Hoàng Trung H1, Nguyễn Đình H, Lê Văn H2 và Nguyễn Thị L ngồi uống bia với nhau tại phường T, thị xã C, tỉnh N. Hoàng Trung H1 và H rủ H2 và L đi hát karaoke. Nguyễn Đình H nhắn tin cho H1: “Anh lo phòng, em lo đồ nha” (ý là H1 trả tiền thuê phòng hát karaoke còn H sẽ trả tiền mua chất ma túy để cùng sử dụng) thì H1 đồng ý. Đến 20 giờ ngày 11/5/2022, H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 37N1-035.79 chở H, còn H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh bạc, biển kiểm soát 37K1-675.41 chở L cùng đến quán karaoke T ở xóm 1, xã NP, huyện N, tỉnh NA. Tại đây, cả bốn gặp Lê Xuân T, chủ quán và là người quản lý, điều hành quán để thuê phòng hát và được T sắp xếp vào hát tại phòng VIP4. Khi vào phòng VIP4, H1 yêu cầu T bố trí nhân viên phục vụ rót bia và chọn bài hát. T đã gọi Nguyễn Thị N vào phục vụ. T và H1 thống nhất giá thuê phòng hát là 200.000 đồng/giờ và giá thuê nhân viên phục vụ là 200.000 đồng/người/giờ. Sau đó, T tiếp tục gọi Vi Thị T1 (sinh năm 2000, trú tại bản N, xã T, huyện Q, tỉnh NA) vào phục vụ, T1 vào phòng VIP4 phục vụ một lúc rồi đi ra ngoài.

Hoàng Trung H1, H, H2 và Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị N hát được một lúc thì H1 và H đi ra ngoài bàn bạc với nhau mua thuốc lắc để sử dụng. H1 đưa cho H số tiền 1.050.000 đồng để mua thuốc lắc. H gọi H2 cùng đi. H2 điều khiển xe mô tô 37K1-675.41 của H1 chở H đến khu vực Quảng trường B, thị xã C, tỉnh NA. Tại đây, H gọi điện thoại di động cho một nam thanh niên (H khai tên là C, trú tại phường N, thị xã C) để mua thuốc lắc nhưng không liên lạc được nên H chở H2 quay lại quán karaoke T. Khi H và H2 vừa về đến quán karaoke thì người có tên là C gọi điện cho H. Sau khi trao đổi mua bán, H đưa 1.050.000 đồng cho H2 và nói H2 đi ra ngoài quán karaoke T gặp C để mua. Một lúc sau, C đến trước quán karaoke T gặp H2 và bán cho H2 một gói ma túy với giá 1.050.000 đồng, bên trong có 02 viên thuốc lắc (Loại MDMA). H2 cầm gói thuốc lắc đi vào phòng VIP4 và đưa cho H. H chia thuốc lắc cho H2, H1, L và N. H, H2, H1 và L đã sử dụng hết số thuốc lắc bằng cách nuốt với nước CocaCola, còn Nguyễn Thị N không sử dụng.

Sau khi sử dụng hết số thuốc trên thì H1, H, H2, L cùng Nguyễn Thị N ngồi hát karaoke và nghe nhạc. Do hệ thống âm thanh của phòng VIP4 bị lỗi nên H1 yêu cầu Lê Xuân T đổi phòng hát. T đã cho đổi sang phòng VIP3. Khi đổi phòng

hát, T biết H, H2, H1 và L sẽ sử dụng ma túy tại phòng hát VIP3 nên T nói với H là giá thuê phòng hát và giá thuê nhân viên phục vụ đều tăng thêm 100.000 đồng/giờ (giá phòng hát là 300.000 đồng/giờ và giá thuê nhân viên phục vụ là 300.000 đồng/người/giờ), H đồng ý. Sau khi ngồi hát karaoke tại phòng VIP3 được một lúc, do còn có nhu cầu sử dụng chất ma túy nên H1 tiếp tục đưa cho H số tiền 1.000.000 đồng để H đi mua ma túy (Loại Ketamine). H rủ Lê Văn H2 cùng đi mua ma túy nhưng H2 đang “phê” ma túy nên không đi. H nói với L: “Đi lấy đồ với anh”, L hiểu ý của H là rủ L cùng đi mua ma túy nên đồng ý. H lấy xe mô tô 37K1-675.41 của H1 chở L đi đến khu vực ngã tư gần Quảng trường B, thị xã C thì gọi điện cho C để mua Ketamine. Sau đó, C cùng một nam thanh niên đi xe máy đến gặp và bán cho H và L 01 gói với giá 1.000.000 đồng. L cầm gói Ketamine trên tay và cùng H đi về quán karaoke T. Khi về, H đổ gói Ketamine ra chiếc đĩa sứ màu trắng, H2 lấy chiếc thẻ nhựa do H2 mang theo đưa cho H. H dùng chiếc thẻ nhựa để “xào” Ketamine (nghiền nhỏ Ketamine và kẻ thành từng đường). Khi H đang “xào” Ketamine, thì H2 mượn của H1 một tờ tiền VND mệnh giá 10.000 đồng, quán lại thành ống hút dùng để sử dụng Ketamine. H “xào” Ketamine xong, thì H, H1, H2 và Nguyễn Thị N lần lượt sử dụng bằng cách dùng ống hút do H2 quán để hít Ketamine, còn L không sử dụng.

Sau khi sử dụng hết số Ketamine do Nguyễn Đình H và Nguyễn Thị L mua mà vẫn còn nhu cầu sử dụng chất ma túy nên Hoàng Trung H1 nói H tiếp tục mua thêm Ketamine về sử dụng. H đồng ý và gọi cho C để mua nợ một gói Ketamine với giá 1.000.000 đồng. Sau khi trao đổi với C, H đưa máy điện thoại của H cho Lê Văn H2 và nói H2 đi gặp C để lấy ma túy. H2 cầm điện thoại của H và điều khiển xe mô tô 37K1-675.41 của H1 đến khu vực Quảng trường B, thị xã C gặp C và lấy 01 gói Ketamine. H cầm gói ma túy Ketamine đi về phòng hát VIP3 quán karaoke T, đổ gói Ketamine ra chiếc đĩa sứ màu trắng và dùng chiếc thẻ nhựa để “xào” Ketamine. Sau đó, H1, H2 và Nguyễn Thị N lần lượt sử dụng Ketamine, còn H và L không sử dụng.

Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 12/5/2022, khi các đối tượng đang sử dụng ma túy tại phòng VIP3 quán karaoke T thì bị Tổ công tác Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Công an tỉnh NA phát hiện, bắt quả tang. Các vật chứng, tài sản bị thu giữ, niêm phong gồm: 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) vỏ gói nilon kích thước (02 x 02)cm (Loại túi zip); 01 (một) tờ tiền VND mệnh giá 10.000 đồng, số Seri WF20622352; 01 (một) thẻ nhựa nhiều màu sắc, trên mặt thẻ có chữ “ALEADER” và “No 013661”; Thu giữ của Lê Xuân T 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A55 vỏ màu đen, số IMEI 1: 866787051764376, số IMEI 2: 866787051764368; Thu

giữ của Nguyễn Đình H 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03s, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 353515131551335, số IMEI 2: 356346461551332; Thu giữ của Nguyễn Thị L 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6 Plus, vỏ màu trắng, số IMEI 355388072876824; Thu giữ của Nguyễn Thị N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone Xs max, vỏ màu vàng, số IMEI: 357266093770127; Thu giữ của Lê Văn H2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A03s, vỏ màu xanh, số IMEI 1: 351574184726338, số IMEI 2: 356247274726337 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh trắng, biển kiểm soát 37N1-035.79; Thu giữ của Hoàng Trung H1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone, vỏ màu hồng, số IMEI: 353816083331407 và 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn xanh bạc, biển kiểm soát 37K1-675.41.

Lúc 08 giờ 00 phút ngày 12/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh NA phối hợp với các đơn vị liên quan đã tiến hành thu mẫu nước tiểu của các đối tượng: Nguyễn Đình H, Lê Văn H2, Hoàng Trung H1, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị N để tiến hành test nhanh chất ma túy bằng test thử phát hiện nhanh chất ma túy Fasstep và trung cầu test nhanh chất ma túy tại Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An. Tại Công văn số 150/TB-KTHS(Đ2-MT) ngày 14/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An kết luận:

“ + Mẫu nước tiểu thu giữ của Hoàng Trung H1 có kết quả dương tính với chất ma túy, loại MDMA, Methamphetamine và Ketamine.

+ Mẫu nước tiểu thu giữ của Lê Văn H2 có kết quả dương tính với chất ma túy, loại MDMA, Methamphetamine và Ketamine.

+ Mẫu nước tiểu thu giữ của Nguyễn Đình H có kết quả dương tính với chất ma túy, loại MDMA, Methamphetamine và Ketamine.

+ Mẫu nước tiểu thu giữ của Nguyễn Thị L có kết quả dương tính với chất ma túy, loại MDMA và Methamphetamine.

+ Mẫu nước tiểu thu giữ của Nguyễn Thị N có kết quả dương tính với chất ma túy, loại MDMA, Methamphetamine và Ketamine”.

Ngày 12/5/2022, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh NA đã tiến hành lập hội đồng mở niêm phong, xác định khối lượng và lấy mẫu giám định đối với số ma túy thu giữ trên chiếc đĩa sứ màu trắng ở trong phòng VIP3, quán karaoke T, xác định: "Số chất tinh thể màu trắng thu giữ trên chiếc đĩa sứ màu trắng ở trong phòng số 03, quán karaoke T có tổng khối lượng là 0,11g (Không phải mười một gam)" và lấy toàn bộ số chất tinh thể màu trắng này gửi đi giám định.

Tại Kết luận giám định số 626/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 19/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “Mẫu chất bột màu trắng thu giữ trên chiếc đĩa sứ màu trắng ở trong phòng số 03, quán karaoke T gửi tới giám định là ma túy (Ketamine). Số chất bột màu trắng thu giữ trên chiếc đĩa sứ màu trắng ở trong phòng số 03, quán karaoke T có khối lượng là 0,11g (không phải mười một gam)”.

Tại kết luận giám định số 188/KL-KTHS(Đ3-TL) ngày 19/5/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Nghệ An kết luận: “01 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng có mã số WF20622352 gửi giám định là tiền thật”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 16 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Xuân T phạm tội “*Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là 12/05/2022.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo khác từ 5 năm đến 8 năm tù và tuyên về xử lý vật chứng, quyết định án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/03/2023, bị cáo Lê Xuân T kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Xuân T giữ nguyên nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

- Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Xuân T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng: điểm d Khoản 2 Điều 256; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Xuân T 7 (Bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”; Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 12/5/2022.

Bị cáo không tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và chứng cứ, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được gửi trong thời hạn kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Kháng cáo của bị cáo là đúng quy định tại Điều 331 Bộ luật tố tụng hình sự. HĐXX chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo của bị cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Hành vi phạm tội của bị cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Xuân T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của Bản án sơ thẩm. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại Tòa án cấp sơ thẩm và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: Trong khoảng thời gian từ 20 giờ 40 phút ngày 11/5/2022 đến 01 giờ 00 phút ngày 12/5/2022, tại phòng hát VIP4, VIP3 của quán karaoke T ở xóm 1, xã N, huyện N, tỉnh Na. Được sự đồng ý của chủ quán là Lê Xuân T về việc cho phép sử dụng ma túy trong quá trình hát karaoke tại phòng hát VIP3, Hoàng Trung H1 đã lần lượt đưa tiền để Nguyễn Đình H và Lê Văn H2, Nguyễn Đình H và Nguyễn Thị L luân phiên đi mua, chuẩn bị chất ma túy gồm 02 viên thuốc lắc MDMA và 02 gói Ketamine. Nguyễn Đình H, Lê Văn H2 đã chia ma túy cho từng người, chuẩn bị dụng cụ (đĩa sứ, thẻ nhựa để “xào” Ketamine, dùng tờ tiền VND mệnh giá 10.000 đồng cuộn lại làm ống hút) để cho H, H1, H2, L và nhân viên phục vụ là Nguyễn Thị N lần lượt sử dụng chất ma túy. Đến khoảng 01 giờ 00 phút ngày 12/5/2022, bị phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng là 0,11g (không phải mười một gam) chất ma túy (Ketamine) còn lại chưa kịp sử dụng và bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy.

Đối với Lê Xuân T là chủ quán Karaoke T mặc dù biết rõ việc Nguyễn Đình H, Hoàng Trung H1, Lê Văn H2, Nguyễn Thị L tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nhưng vì háms lợi mà vẫn đồng ý cho các bị cáo này thuê địa điểm thuộc quyền quản lý của mình nên hành vi mà bị cáo T thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”. Bị cáo lại thực hiện hành vi chứa chấp đối với 4 người nên việc tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm d khoản 2 Điều 256 của Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

[3] Xét nội dung kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Lê Xuân T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đây là vụ án thuộc loại rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến chính sách quản lý độc quyền của nhà nước đối với các chất gây nghiện. Mặc dù bị cáo biết rõ ma túy là chất gây nghiện nguy hiểm bị nhà nước nghiêm cấm mọi hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển... trái phép nhưng do háms

lời nên bị cáo vẫn liệu lĩnh thực hiện hành vi phạm tội tại khu vực tập trung đông dân cư, gây mất ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương. Với hành vi phạm tội của mình bị cáo bị xét xử theo d khoản 2 Điều 256 Bộ luật hình sự năm 2015 với khung hình phạt từ 07 năm đến 15 năm. Cấp sơ thẩm đã căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, bao gồm: bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú để áp dụng điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo T 07 (bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy” là mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm gia đình bị cáo có xuất trình thêm các tình tiết: trong gia đình bị cáo có ông nội Lê Đình K là người có công trong kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và hạng ba; ông bà ngoại cũng được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì. Bản thân bị cáo đã tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2010 đến năm 2012; quá trình sinh sống tại địa phương đã tích cực tham gia các hoạt động của đoàn thanh niên và công tác phòng cháy chữa cháy rừng. Tuy nhiên, cũng tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận bị cáo có tham gia nghĩa vụ quân sự, có tham gia hoạt động của đoàn thanh niên cũng như công tác phòng cháy chữa cháy rừng nhưng không có thành tích gì được cơ quan thẩm quyền khen thưởng hoặc phong tặng danh hiệu nên không có cơ sở để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà chỉ có cơ sở để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, không đủ điều kiện để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo quy định tại Điều 54 Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Xuân T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2023/HSST ngày 16 tháng 03 năm 2023 của Tòa án nhân

dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Lê Xuân T.

2. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 256; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt: Bị cáo Lê Xuân T 7 (Bảy) năm tù về tội “Chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy”.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ (ngày 12 tháng 5 năm 2022).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Lê Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Nghi Lộc;
- VKSND huyện Nghi Lộc;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Nghi Lộc;
- Cơ quan T.H.A hình sự huyện Nghi Lộc;
- Bị cáo kháng cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nga

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Nga